

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ Y TẾ
Số: 17/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 1983

THÔNG TƯ

CỦA LIÊN BỘ Y TẾ - TÀI CHÍNH SỐ 17/TT-LB NGÀY 12-5-1983
HƯỚNG DẪN VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ
Y TẾ XÃ, PHƯỜNG

Căn cứ quyết định số 111-HĐBT ngày 13-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng bổ sung một số chế độ đối với cán bộ y tế xã, phường;

Căn cứ quyết định số 156-CP ngày 7-10-1968 của Hội đồng Chính phủ về chính sách đối với y tế vùng cao, miền núi;

Căn cứ thông tư số 1-TC/CQ ngày 12-1-1982, số 16-CQĐP ngày 10-4-1982, số 74-CQ/TCCP ngày 17-11-1982 của Ban tổ chức của Chính phủ hướng dẫn thi hành Quyết định số 111-HĐBT, và tham gia ý kiến về chế độ, chính sách đối với cán bộ y tế xã, phường;

Liên Bộ Y tế - Tài chính hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với cán bộ y tế xã, phường như sau:

I. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ VÀ CHẾ ĐỘ SINH HOẠT PHÍ.

Theo thông tư số 25-TT/LB ngày 28-11-1980 của liên Bộ Y tế - Tài chính và thông tư hướng dẫn số 29-BYT/TT ngày 29-12-1980 của Bộ Y tế quy định số lượng cán bộ và chế độ sinh hoạt phí như sau:

- Số lượng cán bộ (không tính các tổ sản xuất thuốc nam và tổ chẩn trị đông y).
 - Xã có dưới 3000 dân được bố trí 3 cán bộ.
 - Đối với những xã ở phía Bắc có trên 3000 dân thì cứ thêm 1000 dân được bố trí thêm một cán bộ y tế, nhưng không quá 7 người; tính bình quân cho mỗi trạm y tế xã là 5 người.
 - Đối với những xã phía Nam có đông dân từ 10000 dân trở lên, địa dư rộng thì cứ thêm 3000 dân được bố trí thêm 1 cán bộ y tế, nhưng nhiều nhất không quá 10 người.
- Chế độ sinh hoạt phí.

Cán bộ y tế chuyên trách thường xuyên công tác trạm y tế xã, phường được đào tạo có trình độ đại học, trung học và sơ học có đủ thâm niên công tác làm việc theo quy chế chung của Nhà nước được xếp sinh hoạt phí theo bảng lương của cán bộ y tế trong biên chế Nhà nước quy định sau đây:

Chức danh	Thời gian công tác và mức sinh hoạt phí					
	Dưới 5 năm	Trên 5 năm đến 10 năm	Trên 10 năm đến 15 năm	Trên 15 năm đến 20 năm	Trên 20 năm đến 25 năm	Trên 25 năm
Y sĩ, dược sĩ trung học	45 đ	50 đ	58 đ	68 đ	78 đ	
Nữ hộ sinh sơ học	38 đ	43 đ	49 đ	55 đ	64 đ	74 đ
Y tá, dược tá sơ học	36 đ	41 đ	47 đ	53 đ	62 đ	72 đ
Bác sĩ	60 đ	70 đ	85 đ	100 đ	116 đ	

Y tá, nữ hộ sinh quốc gia và y tá trung học xếp như y sĩ. Các cán bộ y dược học dân tộc sau khi đã phân loại theo tinh thần thông tư số 1-BYT/TT ngày 2-1-1974 được xếp tương đương như trung học, đại học, hoặc chuyên viên. Cán bộ y học dân tộc chưa đủ trình độ lương y xếp tương đương như sơ học. Thâm niên công tác được tính từ khi tham gia phục vụ công tác ở trạm y tế xã, phường hoặc thực sự có tham gia hoạt động ở tổ chức hội y học dân tộc cơ sở.

Những y tá, dược tá, nữ hộ sinh có trình độ văn hoá 7/10 trở lên được cử đi học để đào tạo về chuyên môn từ 18 tháng trở lên xếp theo lương y tá, nữ hộ sinh học dài hạn khởi điểm y tá là 41 đồng, nữ hộ sinh 43 đồng. Cách sắp xếp sinh hoạt phí và tính thời gian thâm niên công tác cho cán bộ y tế xã, phường áp dụng theo thông tư số 12-BYT/TT ngày 7-8-1982 của Bộ Y tế.

3. Chế độ phụ cấp tạm thời. Cán bộ y tế xã, phường được xếp sinh hoạt phí theo quy định nói trên đều được cộng thêm phục cấp tạm thời bằng 100% mức sinh hoạt phí đã xếp và gọi là sinh hoạt phí mới.

II. CHẾ ĐỘ PHÂN PHỐI LƯƠNG THỰC

Sau khi có sự nhất trí của Bộ lương thực, nay quy định như sau:

1. Cán bộ y tế công tác ở xã vùng cao miền núi, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế mới, xã miền núi mà kinh tế có nhiều khó khăn (thuộc diện thi hành quyết định số 156-CP) được Nhà nước cung cấp lương thực bằng 13 kilôgam gạo tháng và cấp phiếu vải, phiếu đường, thực phẩm như cán bộ viên chức Nhà nước.
2. Cán bộ y tế phường thuộc quận, thị xã, thành phố, thị trấn được mua lương thực, thực phẩm và một số hàng công nghệ phẩm như cán bộ viên chức trong biên chế Nhà nước (theo điều 3 của quyết định số 111-HĐBT và thông tư số 3-NT ngày 6-4-1982 của Bộ Nội thương).
3. Cán bộ y tế công tác ở các xã khác còn lại được mua 13kg gạo tháng theo giá chỉ đạo được ngân sách xã bù phần tiền chênh lệch giữa giá chỉ đạo với giá cung cấp 0.40đ/kg

III. CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI CÁN BỘ Y TẾ XÃ, PHƯỜNG CÔNG TÁC LÂU NĂM KHI GIÀ YẾU ĐƯỢC NGHỈ VIỆC

1. Cán bộ y tế xã, phường thuộc đối tượng hưởng sinh hoạt phí hàng tháng bao gồm trạm trưởng, phó trưởng trạm, các y bác sĩ, y tá, dược tá, nữ hộ sinh, cán bộ được học dân tộc có đủ 15 năm công tác liên tục ở trạm y tế xã, phường và nam đã 55 tuổi, nữ đã 50 tuổi được hưởng chế độ già yếu nghỉ việc, hàng tháng được hưởng chế độ trợ cấp 60% mức sinh hoạt phí khi đang công tác.
2. Cán bộ y tế xã, phường có 15 năm công tác liên tục đã được hưởng sinh hoạt phí từ trước tới nay (nam đã 52 tuổi, nữ đã 47 tuổi) nay vì ốm đau phải nghỉ việc (có xác nhận của hội đồng giám định y khoa) cũng được hưởng chế độ trợ cấp già yếu nghỉ việc bằng 60% mức sinh hoạt phí khi đang công tác.
3. Thời gian công tác để tính là thời gian công tác liên tục là thời gian làm việc ở trạm y tế xã, phường dưới chính quyền cách mạng (kể cả thời gian làm việc ở cơ quan Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam). Thời gian làm việc ở thôn bản không được tính, nếu có trường hợp bị gián đoạn thì được tính cộng thời gian trước với thời gian sau, trừ thời gian gián đoạn không được tính.

4. Cán bộ y tế xã, phường hoạt động trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống quân bành trướng Trung Quốc mà bị địch bắt tra tấn, không sai phạm nghiêm trọng, nay yếu đau hoặc bị thương tật sức khỏe giảm sút được Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên quyết định (bằng văn bản) cho nghỉ việc thì thời gian công tác liên tục có thể được giảm từ 3 đến 5 năm, các ban y tế huyện, quận cần kiểm tra xem xét cẩn thận từng trường hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, quận hoặc tỉnh, thành xét giải quyết.

5. Các trưởng trạm, phó trưởng trạm trạm y tế xã, phường (trước đây đã được xác định là trưởng, phó ngành ở xã theo thông tư số 16-LB/TT ngày 19-6-1976 của liên Bộ Y tế- Tài chính hướng dẫn thi hành quyết định số 130-CP ngày 20-6-1975 của Hội đồng Chính phủ) có 15 năm công tác liên tục và nam đã 55 tuổi, nữ đã 50 tuổi nghỉ việc trước ngày ban hành quyết định số 111-HĐBT ngày 13-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng, được hưởng trợ cấp hàng tháng là 12 đồng thì nay được nâng lên là 20 đồng và được phụ cấp tạm thời bằng 100% của mức trợ cấp mới: $20 \text{ đ} + 20 \text{ đ} = 40 \text{ đ/tháng}$, những người nào tuy đã có đủ điều kiện và tiêu chuẩn nhưng khi nghỉ việc chưa được hưởng trợ cấp thì Ủy ban nhân dân xã, phường và Ủy ban y tế huyện, quận xét từng trường hợp cụ thể báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện, quận giải quyết cho hưởng phụ cấp hàng tháng.

Các thủ tục cho cán bộ y tế xã, phường nghỉ việc và hưởng trợ cấp hàng tháng như đối với công nhân, viên chức Nhà nước khi về hưu.

IV. CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP KHÁC

1. Cán bộ y tế xã chuyên trách phục vụ bệnh nhân lao tại các sana lao của xã, liên xã hoặc huyện có từ 6 giường bệnh tập trung trở lên được hưởng phụ cấp 30đ/tháng.

Mỗi trạm y tế xã, phường được chi một định suất về phụ cấp để bị lây nhiễm bằng mức 15 đồng/tháng cho cán bộ y tế chuyên trách quản lý và điều trị ngoại trú các bệnh nhân lao, phong, da liễu.

2. Chế độ phụ cấp thường trực. Mỗi trạm y tế xã, phường phải bố trí người thường trực ngoài giờ, ban đêm, ngày lễ, ngày chủ nhật và được hưởng một định suất phụ cấp cho mỗi trạm là 4,50 đồng một phiên trực (không phân biệt y bác sĩ, y tá nữ hộ sinh). Nếu trực vào ngày lễ, ngày chủ nhật thì hôm sau được nghỉ bù cả ngày.